

Số: 05/2017/QĐ-UBND

Nam Định, ngày 27 tháng 02 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định mức giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn các huyện thuộc tỉnh Nam Định

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 286/TTr-STNMT ngày 20/02/2017 về việc ban hành quy định mức giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn các huyện, Văn bản số 172/CV-STC ngày 09/02/2017 của Sở Tài chính, Văn bản thẩm định số 21/BC-STP ngày 15/02/2017 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn các huyện thuộc tỉnh Nam Định như sau:

1. Đối với hộ gia đình, cá nhân

- Hộ gia đình: 8.000 đồng/người/tháng;

- Hộ nghèo: 4.000 đồng/người/tháng;

- Cá nhân cư trú tại các phòng thuê trọ: 8.000/người/tháng;

2. Đối với hộ kinh doanh nhỏ:

- Cửa hàng bán hoa, rửa ô tô, xe máy, xe đạp: 120.000 đồng/hộ/tháng;

- Cửa hàng ăn uống bán một buổi; hộ kinh doanh giải khát, cà phê, karaoke, đại lý bánh kẹo: 100.000 đồng/hộ/tháng;

- Hộ kinh doanh hàng tạp hóa, đồ lưu niệm, đồ điện, vật liệu xây dựng, quần áo, internet, hiệu thuốc, giày dép, điện thoại, văn phòng phẩm, chế tác vàng bạc, nhôm kính, hàng thủ công...: 80.000 đồng/hộ/tháng.

3. Đối với các tổ chức cơ quan:

- Trường hợp xác định được khối lượng: 260.000 đồng/m³ rác (tỷ trọng 1m³ = 0,42 tấn).

- Trường hợp không xác định được khối lượng:

+ Trường học, nhà trẻ; cơ quan hành chính, sự nghiệp: 110.000 đồng/đơn vị/tháng;

+ Trụ sở doanh nghiệp: 160.000 đồng/đơn vị/tháng;

+ Cửa hàng, trung tâm thương mại; khách sạn; nhà hàng ăn uống; nhà máy; bệnh viện; phòng khám tư nhân; cơ sở sản xuất; chợ; nhà ga, bến tàu, bến xe; công viên; trung tâm dạy nghề, đào tạo việc làm: 350.000 đồng/đơn vị/tháng.

Điều 2. Mức giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt nêu trên đã bao gồm thuế VAT. Căn cứ tình hình điều kiện thực tế các đơn vị cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn các huyện áp dụng mức giá cụ thể cho phù hợp nhưng không vượt quá mức giá tối đa nêu tại Điều 1.

Đơn vị cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt niêm yết công khai nội dung thu, mức thu, thực hiện thu theo quy định. Đơn vị thu có trách nhiệm đăng ký, kê khai và thực hiện các nghĩa vụ về thuế với Nhà nước theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định số: 25/2016/QĐ-UBND, 26/2016/QĐ-UBND, 27/2016/QĐ-UBND, 28/2016/QĐ-UBND, 29/2016/QĐ-UBND, 30/2016/QĐ-UBND, 31/2016/QĐ-UBND, 32/2016/QĐ-UBND, 33/2016/QĐ-UBND ngày 01/9/2016 về việc quy định mức thu phí vệ sinh (rác thải sinh hoạt) tại các xã, thị trấn trên địa bàn các huyện: Hải Hậu, Nam Trực, Mỹ Lộc, Xuân Trường, Trực Ninh, Nghĩa Hưng, Ý Yên, Vụ Bản, Giao Thủy.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc: Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch UBND các huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Công báo tỉnh, Website tỉnh;
- Lưu: VP1, VP3, VP5, VP6.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Phạm Đình Nghị